

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 28/6/2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thụ lý số 36/2019/TLST- KDTM ngày 13/5/2019.

**XÉT THẤY**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận của các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

**Nguy<sup>an</sup> @-n:** Ngân hàng TMCP Việt Nam T.

Địa chỉ: phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Ngô Chí D - Chủ tịch HĐQT

*Người được đại diện theo ủy quyền:*

1. Ông Nguyễn Chí T - Chuyên viên xử lý nợ

2. Ông Lê Thế Đ – Chuyên viên xử lý nợ

3. Ông Lê Ngọc V – Chuyên viên xử lý nợ

Cùng địa chỉ: Tầng 3 lô 27, 29 trung tâm thương mại T, Đại lộ L, phường L1, Thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

**Bị đơn:** - Ông Nguyễn Văn A

- Bà Lê Thị T

Cùng địa chỉ: Số nhà 08/66 T, phường N, thành phố T1, tỉnh Thanh Hóa.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Việt Nam T rút một phần yêu cầu khởi kiện số tiền lãi phạt tính đến ngày 28/6/2019 là 4.919.373 đồng (Bốn triệu chín trăm mười chín nghìn ba trăm bảy mươi ba đồng)

Tính đến ngày 28/4/2019 ông Nguyễn Văn A và Lê Thị T còn nợ Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền gốc và lãi là 197.528.050 đồng (trong đó nợ gốc

146.250.050đ; lãi trong hạn là 1.538.425đ; lãi quá hạn là 49.739.625đ) theo hợp đồng tín dụng số LN1706290096211 ngày 07/7/2017 giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam T và ông Nguyễn Văn A và chị Lê Thị T.

Ông Nguyễn Văn A và bà Lê Thị T có trách nhiệm trả số tiền gốc và lãi là 197.528.050. (trong đó nợ gốc 146.250.050đ; lãi trong hạn là 1.538.425đ; lãi quá hạn là 49.739.625đ) Cụ thể;

Đợt 1 vào ngày 10/8/2019 trả 50.000.000đ tiền gốc

Đợt 2 vào ngày 10/9/2019 trả 50.000.000đ tiền gốc

Đợt 3 vào ngày 10/10/2019 trả 46.250.050đ tiền gốc, lãi trong hạn là 1.538.425đ; lãi quá hạn là 49.739.625đ.

Ông Nguyễn Văn A và bà Lê Thị T tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi đối với khoản nợ gốc chậm trả tính từ ngày 29/6/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc theo mức lãi suất mà các bên đã ký và thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng hạn mức số LN1706290096211 ngày 07/7/2017 giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam T và ông Nguyễn Văn A và bà Lê Thị T đã ký kết.

Đến thời hạn trả nợ ông A và bà T không trả được hoặc không trả đầy đủ số tiền các bên đã thỏa thuận thời hạn trả nêu trên được coi là bên có nghĩa vụ vi phạm điều kiện cam kết, các kỳ hạn tiếp theo không còn giá trị, phía Ngân hàng TMCP Việt Nam T có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố T xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo thu hồi nợ theo hợp đồng thế chấp số 2820815/TC ngày 05/02/2015 giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam T và ông Nguyễn Văn A và bà Lê Thị T, là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 335-2, tờ bản đồ số 9 có tại địa chỉ số nhà 08/66 Trần Nhật D, phường N, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 584118 do UBND thành phố T cấp ngày 30/12/2013 cho ông Nguyễn Văn A và bà Lê Thị T

Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 12 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, ông Nguyễn Văn A và bà Lê Thị T phải chịu 4.938.000đồng (*Bốn triệu chín trăm ba mươi tám nghìn đồng chẵn*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP Việt Nam T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 4.665.000đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố T theo biên lai thu số AA/2017/0006406 ngày 06/5/2019 .

3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. *Quyết định này được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,7a,7b, 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- VKSND TP. T
- Thi hành án TP. T
- Các đương sự
- Lưu HS

**THẨM PHÁN**  
**( Đã ký)**

**Lê Thị Hoa**